

DOI:10.22144/ctu.jvn.2022.248

## ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CỦA MỘT SỐ NGHỀ KHAI THÁC THỦY SẢN CHÍNH Ở VÙNG LỘNG PHÍA TÂY TỈNH CÀ MAU

Nguyễn Thanh Long<sup>1</sup> và Nguyễn Trường Ôn<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Khoa Thủy sản, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup>Học viên cao học Ngành Quản lý Thủy sản, Khóa 27, Trường Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Thanh Long (email: ntlong@ctu.edu.vn)

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 28/04/2022

Ngày nhận bài sửa: 18/05/2022

Ngày duyệt đăng: 13/07/2022

### Title:

Evaluation of the status of some main inshore fisheries in the western seas of Ca Mau province

### Từ khóa:

Cà Mau, câu mực, lưới kéo, lưới rê, ốc bẫy mực

### Keywords:

Ca Mau, gill net, squid fishing, trawl net, octopus trapping

### ABSTRACT

Evaluation of the status of some main inshore fisheries in the western seas of Ca Mau province was conducted from August 2021 to April 2022. Results showed that gill nets, trawl nets, squid fishing, and octopus trapping with snail shells were being developed in the inshore of Ca Mau province. These fisheries can be exploited all year round. Fishing yields of the gill nets (17.9 tons/year), squid fishing (11.3 tons/year), and octopus trapping (29.3 tons/year) were high, except for trawl nets with the lowest catch (8.44 tons/year). The trawl nets had the highest ratio of trash fish at 16.4%. The profit of gill net fisheries (1,174 million VND/year) was the highest, and squid fishing and octopus trapping had a low rate of return (0.2 times and 0.37 times, respectively). Gill nets, squid fishing, and octopus trapping were passive gears, low trash-fish ratio, and low impact on fisheries resources, those fisheries should be encouraged to develop. However, squid fishing and octopus trapping had low-profit margins, it is necessary to research and support these two fisheries to develop to create jobs and increase income for fishermen in coastal areas.

### TÓM TẮT

Nghiên cứu đánh giá hiện trạng của một số nghề khai thác thủy sản chính ở vùng lộng phía Tây tỉnh Cà Mau được thực hiện từ tháng 8 năm 2021 đến tháng 4 năm 2022. Kết quả cho thấy nghề lưới rê, lưới kéo, câu mực và ốc bẫy mực đang được phát triển ở vùng lộng tỉnh Cà Mau. Các nghề này có thể khai thác quanh năm. Sản lượng khai thác của nghề lưới rê (17,9 tấn/năm), nghề câu mực (11,3 tấn/năm) và nghề ốc bẫy mực (29,3 tấn/năm) điều cao, trừ nghề lưới kéo có sản lượng khai thác thấp nhất (8,44 tấn/năm). Nghề lưới kéo có tỉ lệ cá tạp cao nhất 16,4%. Lợi nhuận của tàu lưới rê (1.174 triệu đồng/năm) cao hơn các nghề khác. Nghề câu mực và ốc bẫy mực có tỉ suất lợi nhuận thấp, lần lượt là 0,2 lần và 0,37 lần. Nghề lưới rê, nghề câu mực và nghề ốc bẫy mực là các nghề khai thác thụ động, tỉ lệ cá tạp thấp và ít tác động làm suy giảm nguồn lợi thủy sản nên cần được khuyến khích phát triển. Tuy nhiên hai nghề câu mực và ốc bẫy mực có tỉ suất lợi nhuận thấp, cần nghiên cứu hỗ trợ hai nghề này phát triển nhằm tạo việc làm và tăng thu nhập cho ngư dân vùng ven biển.

## 1. GIỚI THIỆU

Cà Mau là tỉnh ven biển ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), có sản lượng khai thác thủy sản (KTTS) là 225.852 tấn (2020), là tỉnh có sản lượng KTTS cao thứ hai sau tỉnh Kiên Giang, và chiếm 15,2% sản lượng khai KTTS ở ĐBSCL (Tổng cục Thống kê, 2021). Nghề KTTS ở Cà Mau hoạt động mạnh và phát triển ở các nhóm ngành nghề chính đó là nghề lưới rê, lưới kéo, câu mực, ốc bẫy mực. Các hộ ngư dân làm các nghề KTTS này tập trung có ở các huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh, phía Tây tỉnh Cà Mau. Theo nghiên cứu của Chí và Long (2018) về khảo sát các nghề KTTS ở tỉnh Bạc Liêu, nghiên cứu của Long và Lam (2019) về khảo sát các nghề KTTS ở tỉnh Kiên Giang, kết quả cho thấy sản lượng của các tàu khai thác ở vùng lộng đang giảm. Đối với tỉnh Cà Mau, đến nay chưa có nghiên cứu về hoạt động của các nghề KTTS ở tuyến lộng (tàu có chiều dài từ 12 m đến dưới 15 m). Chính vì vậy, nghiên cứu đánh giá hiện trạng của một số nghề KTTS chính ở vùng lộng phía Tây tỉnh Cà Mau được thực hiện nhằm góp phần cung cấp thông tin làm cơ sở cho việc quản lý và phát triển nghề KTTS ổn định ở vùng này.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 8 năm 2021 đến tháng 4 năm 2022 nhằm khảo sát các hộ làm nghề KTTS tại huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh tỉnh Cà Mau là hai khu vực có số tàu lưới kéo, lưới rê, câu mực và ốc bẫy mực nhiều nhất tỉnh. Chính vì vậy, nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp các hộ làm nghề lưới kéo, lưới rê, câu mực và ốc bẫy mực ở các huyện này với tàu có chiều dài từ 12 m đến dưới 15 m. Theo Nghị Định số 26/2019/NĐ-CP ngày 8/3/2019, tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 m đến dưới 15 m hoạt động tại vùng lộng (Chính phủ, 2019).

Số mẫu khảo sát được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Thủy sản - FAO (2005). Theo Bảng 3 của hướng dẫn này, với độ chính xác 90% và quy mô tổng thể từ 300-1.000, số mẫu khảo sát cần 29-31 mẫu và có ít nhất 30 mẫu để đảm bảo độ tin cậy trong thống kê. Dựa trên tổng số tàu thực tế, 30 hộ làm nghề lưới rê, 55 hộ làm nghề câu mực và 30 hộ làm nghề ốc bẫy mực được chọn phỏng vấn. Riêng nghề lưới kéo có tổng số hộ hoạt động là 34 hộ, nhóm nghiên cứu đã khảo sát được 21 hộ. Tổng cộng có 136 hộ được phỏng vấn.

Trước khi tiến hành phỏng vấn, bảng câu hỏi được soạn sẵn đã được chỉnh sửa sau khi phỏng vấn thử 5 mẫu cho mỗi nghề với các thông tin:

Về khía cạnh kỹ thuật gồm kết cấu ngư cụ, tải trọng và công suất tàu, lực lượng lao động, ngư trường, mùa vụ khai thác, sản lượng khai thác;

Về khía cạnh tài chính gồm chi phí cố định, chi phí biến đổi và tổng thu nhập từ đó tính lợi nhuận, tỉ suất lợi nhuận (lần); và những thuận lợi khó khăn của nghề KTTS.

Số liệu phỏng vấn được sử dụng phần mềm SPSS for Windows để nhập số liệu và phân tích. Các kết quả được thể hiện qua thống kê mô tả như: tần suất xuất hiện, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Khía cạnh kỹ thuật của các nghề KTTS ở Cà Mau

#### 3.1.1. Các thông tin chung về các nghề KTTS

Theo báo cáo của Chi cục Thủy sản tỉnh Cà Mau (2022), các nghề khai thác ở vùng lộng ở tỉnh Cà Mau chủ yếu là nghề câu mực (42,6%), nghề lưới rê (38,3%), nghề ốc bẫy mực (9,2%), nghề lưới kéo (2,5%) và các nghề khác (7,3%). Các nghề khai thác khác bao gồm các nghề như nghề câu môi, dịch vụ hậu cần, nghề lưới te, nghề lồng xếp và nghề đáy biển (Bảng 1).

Nghiên cứu này tập trung khảo sát các hoạt động khai thác của các nghề khai thác chính như nghề câu mực, nghề lưới rê, nghề ốc bẫy mực và nghề lưới kéo vì đây là những nghề có số lượng lớn và sản lượng cao (Bảng 1).

**Bảng 1. Số lượng tàu theo nghề khai thác ở vùng lộng tỉnh Cà Mau**

Nghề khai thác	Tổng	Tỉ lệ (%)
Câu mực	586	42,6
Lưới rê	526	38,3
Ốc bẫy mực	127	9,2
Lưới kéo	34	2,5
Câu môi	30	2,2
Dịch vụ hậu cần	44	3,2
Te	7	0,5
Lồng xếp (rập xếp)	8	0,6
Đáy biển	12	0,9
Lưới vây	1	0,1
<b>Tổng</b>	<b>1.375</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Chi cục Thủy sản tỉnh Cà Mau, 2022)

Kết quả khảo sát cho thấy tuổi trung bình thuyền trưởng khai thác ven bờ từ 39,5 - 48,4 tuổi (Bảng 2).

Với độ tuổi này, đa số thuyền trưởng có nhiều kinh nghiệm trong KTTS. Do đặc điểm sống ở vùng ven biển nên thanh niên vùng này tham gia nghề KTTS sớm (15-18 tuổi). Chính vì vậy khi trở thành thuyền trưởng thì đã có nhiều năm lao động trong lĩnh vực KTTS nên có nhiều kinh nghiệm (10,1-19,4 năm) (Bảng 2). Việc tham gia lao động sớm nên các thủy thủ và thuyền trưởng gặp không ít khó khăn về học vấn. Phần lớn thuyền trưởng có trình độ tiểu học và trung học cơ sở; trung học phổ thông rất ít; thậm chí có một số ít thuyền trưởng không biết chữ ở nghề lưới kéo và nghề câu mực (Bảng 2). Với trình độ học

vấn này, việc hiện đại hóa nghề KTTS xa bờ gặp không ít khó khăn khi tiếp thu công nghệ khai thác mới, sử dụng các thiết bị hiện đại như ra đa, máy định vị, máy dò cá. Trình độ học vấn của thuyền trưởng thấp cũng gây trở ngại trong việc thực hiện các chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản cũng như các chính sách pháp luật có liên quan đến KTTS như ghi nhận ký tàu và nhật ký đánh cá. Chính vì vậy muốn hiện đại hóa ngành KTTS thì cần nâng cao trình độ thuyền trưởng, thủy thủ và có chính sách để nâng cao trình độ học vấn của người dân vùng ven biển.

**Bảng 2. Thông tin về thuyền trưởng**

Nội dung	Lưới rê	Lưới kéo	Câu mực	Ốc bẫy mực
Tuổi (năm)	42,6±10,9	48,4±12,9	44,5±8,7	39,5±7,5
Kinh nghiệm khai thác (năm)	13,3±8,6	13,2±11,6	19,4±9,9	10,1±5,6
Học vấn (%)				
Mù chữ	0,0	9,5	1,8	0,0
Tiểu học	16,7	33,3	36,4	30,0
Trung học cơ sở	66,7	42,8	50,9	63,3
Trung học Phổ thông	16,4	14,3	10,9	6,7

Số lao động trên tàu KTTS vùng lộng không nhiều. Kết quả khảo sát cho thấy nghề lưới kéo có số lượng lao động trên tàu thấp hơn các nghề khác ( $p < 0,05$ ) vì nghề lưới kéo không cần nhiều cần lao động kéo lưới và số lao động của các nghề còn lại có số lao động cao hơn nghề lưới kéo nhưng số lao động giữa các nghề này khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ) (Bảng 3).

Bảng 3 cho thấy đối với tất cả các loại tàu KTTS, số lao động trong gia đình tham gia khai thác trên tàu chỉ từ 1-2 lao động; số lao động còn lại phải thuê

để đảm bảo công việc. Các nghề KTTS đều phải thuê mướn thêm lao động, trong đó tàu lưới rê, câu mực và ốc bẫy mực có số lượng lao động thuê mướn đông hơn nghề lưới kéo. Nhìn chung, các nghề KTTS vừa tạo công việc làm cho gia đình của ngư dân, đồng thời cũng tạo việc làm cho người dân trong vùng. Tuy nhiên, lao động tham gia khai thác cho các tàu KTTS thường không ổn định, việc thiếu lao động diễn ra thường xuyên do phần lớn lao động chuyển nghề sang làm ở các nghề trên bờ khác có thu nhập tốt hơn và nhẹ nhàng hơn lao động trên biển.

**Bảng 3. Lực lượng lao động**

Nội dung	Lưới rê	Lưới kéo	Câu mực	Ốc bẫy mực
Tổng số lao động trong gia đình (người)	2,70±1,37	2,33±1,15	2,05±1,22	2,60±1,13
Số lao động trong gia đình (người)	1,37±0,76	1,62±0,67	1,16±0,71	0,97±0,56
Số lao động thuê mướn (người)	4,27±1,41	1,57±1,33	4,65±1,16	4,47±0,68
Tổng số lao động trên tàu (người)	5,63±1,50	3,19±1,29	5,82±1,35	5,44±0,82

*3.1.2. Tàu thuyền và ngư cụ khai thác*

Phạm vi của nghiên cứu ở vùng lộng nên các tàu chỉ có chiều dài từ 12 m đến dưới 15 m. Tuy nhiên, tàu lưới kéo ở tỉnh Cà Mau có tải trọng (12,1 tấn) và công suất (138 CV) lớn hơn kết quả khảo sát của Long (2014) đối với tàu lưới kéo ven bờ ở ĐBSCL có tải trọng và công suất trung bình lần lượt là 8,92 tấn và 51,5 CV. Tàu lưới rê có tải trọng và công suất lần lượt là 12,8 tấn và 112 CV cũng lớn hơn kết quả khảo sát của Long (2014) là tàu lưới rê có tải trọng và công suất trung bình lần lượt là 6,11 tấn và 39,9

CV. Riêng tàu câu mực và ốc bẫy mực có công suất lớn hơn tàu lưới rê lần lượt là 187 CV và 234 CV ( $P < 0,05$ ). Kết quả này cho thấy tàu của các nghề KTTS ở vùng lộng tỉnh Cà Mau ngày càng được trang bị với quy mô lớn hơn để có thể đi khai thác xa và dài ngày.

Nghề lưới kéo ở tỉnh Cà Mau có kích thước mắt lưới trung bình 2a ở đọt lưới là 21,6 mm. Theo Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 (Bộ Thủy sản, 2006), kích thước mắt lưới tối thiểu ở đọt lưới cho tàu lưới kéo là 28 mm. Như vậy,

lưới kéo ở tỉnh Cà Mau vi phạm quy định này. Vì vậy các cơ quan quản lý KTTS cần tuyên truyền và kiểm tra nghiêm việc thực hiện kích thước mắt lưới theo quy định của nghề lưới kéo. Lưới rê có chiều dài là 6.079 m, chiều cao là 8,67 m. Kích thước mắt

lưới rê lớn ( $2a = 88 \text{ mm}$ ) không vi phạm quy định của Thông tư số 02/2006/TT-BTS. Riêng hai nghề câu mực và ốc bẫy mực là hai nghề khai thác thụ động và không có quy định về kích cỡ ngư cụ khai thác.

**Bảng 4. Thông tin về tàu KTTS**

Nội dung	Lưới rê	Lưới kéo	Câu mực	Ốc bẫy mực
Chiều dài tàu (m)	13,3±1,0	13,4±1,0	14,0±1,0	14,5±0,7
Công suất của máy tàu (CV)	112±56	138±88	187±74	234±92
Tải trọng của tàu (tấn)	12,8±5,6	12,1±5,2	16,0±6,0	18,5±4,6

**Bảng 5. Các thông số của ngư cụ của các nghề KTTS**

Nghề lưới rê	Giá trị
Chiều dài của lưới (m)	6.079±4.456
Chiều cao lưới (m)	8,67±2,67
Kích thước mắt lưới 2a (mm)	88±15
Nghề lưới kéo	Giá trị
Chiều dài của lưới (m)	35,9±20,1
Chiều dài giềng phao (m)	53,3±4,1
Kích thước mắt lưới 2a (mm)	21,6±4,9
Nghề câu mực	Giá trị
Số lượng cần câu mực (cái/tàu)	56,1±21,7
Chiều dài một dây câu mực (m)	4,3±1,5
Sử dụng môi giả (%)	29,0
Nghề ốc bẫy mực	Giá trị
Chiều dài dây ốc bẫy mực (m)	48.299 ± 6.806
Kích thước miệng con ốc bẫy mực (cm)	6,20 ± 1,7
Khoảng cách buộc 2 con ốc (m)	3,52 ± 0,75
Số con ốc dùng bẫy mực (con)	13.651±1.231

3.1.3. Ngư trường và mùa vụ KTTS

Huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh nằm ở phía Tây tỉnh Cà Mau nên các nghề lưới rê, lưới kéo, câu mực và ốc bẫy mực ở các huyện này tập trung khai thác ở vùng biển phía Tây tỉnh Cà Mau thuộc Vịnh Thái Lan. Nghề lưới rê, lưới kéo, câu mực và ốc bẫy mực trong một năm khai thác được lần lượt là 10,5±1,2 tháng, 10,4±1,94 tháng,

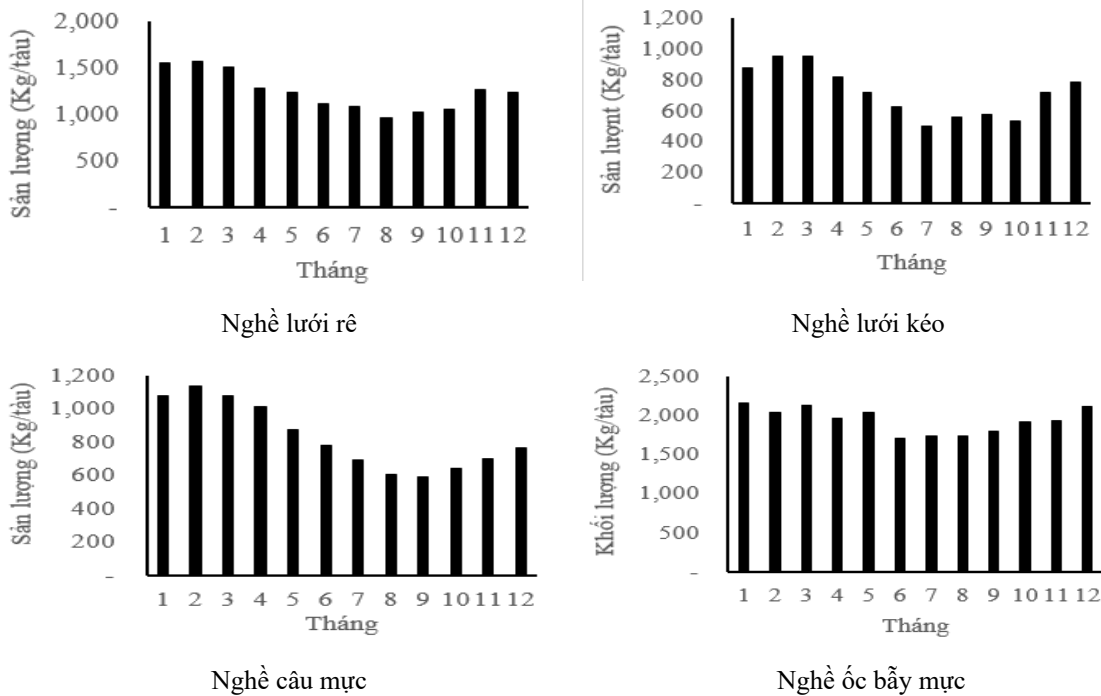
11,8±0,7 tháng và 10,8±1,0 tháng. So với kết quả nghiên cứu của Chí và Long (2018), số tháng khai thác của các tàu đánh cá ở Cà Mau cao hơn, nghề lưới kéo và lưới rê ở Bạc Liêu lần lượt là 8,52 tháng và 8,93 tháng. Thời gian KTTS ở tỉnh Cà Mau cao hơn là do các nghề này khai thác ở vùng biển Tây Nam Bộ có thời tiết thuận lợi hơn khai thác ở vùng biển Đông Nam Bộ nên ngư dân có thể ra biển khai thác ở nhiều tháng hơn.

**Bảng 6. Thời gian khai thác**

Nội dung	Lưới rê	Lưới kéo	Câu mực	Ốc bẫy mực
Thời gian khai thác một mẻ (giờ)	12,1±2,7	3,71±0,56		14,3±5,0
Số mẻ lưới khai thác trong ngày (mẻ)	1,00±0,00	3,10±0,30		1,0±0,0
Thời gian khai thác một chuyến biển (ngày)	5,83±5,67	9,29±8,01	20,2±1,2	26,2±5,4
Số chuyến biển khai thác trong tháng (chuyến)	5,87±3,37	3,90±2,74	1,0±0,0	1,4±2,0
Số tháng khai thác trong năm (tháng)	10,5±1,2	10,4±1,94	11,8±0,7	10,8±1,0

Mùa vụ khai thác của nghề lưới rê, lưới kéo, câu mực và ốc bẫy mực là quanh năm, trừ thời gian thời tiết xấu tàu không thể ra biển khai thác và thời gian tàu cần sửa chữa. Những tháng có sản lượng khai thác cao giữa các nghề thì không chênh lệch nhiều,

tập trung vào mùa khô, từ tháng 10 đến tháng 6 năm sau (Hình 1) và đây cũng là thời gian vùng biển Tây Nam Bộ có thời tiết tốt nên rất thuận lợi cho tàu KTTS hoạt động.



Hình 1. Sản lượng khai thác của các nghề theo tháng

3.1.4. Sản lượng KTTS

Sản lượng khai thác của nghề lưới rê (19,9 tấn/năm), lưới kéo (8,44 tấn/năm), câu mực (11,3 tấn/năm) và ốc bẫy mực (29,3 tấn/năm). Đặc điểm khai thác của mỗi nghề khác nhau, nghề lưới rê có chiều dài lưới dài, nghề lưới kéo thì chủ động rượt đuổi đánh bắt cá và nghề câu mực và ốc bẫy mực là khai thác thụ động. Đặc điểm khai thác các nghề này nên tỉ lệ cá tạp trong sản lượng khai thác khác nhau. Nghề lưới kéo có tỉ lệ cá tạp cao nhất (16,4%), kể đến là nghề lưới rê (0,47%), nghề câu mực và ốc bẫy mực thì không có cá tạp. Sản lượng trung bình của

nghề lưới kéo là 8,44 tấn/năm thấp hơn kết quả nghiên cứu của Thương và ctv. (2014) là 33,9 tấn/năm, ngược lại nghề lưới rê có sản lượng 17,9 tấn/năm cao hơn kết quả nghiên cứu của Thương và ctv. (2014) là 10,3 tấn/năm. Như vậy, sản lượng khai thác của nghề lưới kéo giảm nhưng nghề lưới rê tăng. Trong 4 nghề khai thác, thì nghề ốc bẫy mực có sản lượng cao nhất (29,3 tấn/năm), kế đến là nghề lưới rê (17,9 tấn/năm), nghề câu mực (11,3 tấn/năm) và thấp nhất là nghề lưới kéo (8,44 tấn/năm) và đây cũng là một trong những lý do làm số tàu lưới kéo khai thác ở vùng lộng tỉnh Cà Mau giảm rất nhiều, năm 2021 chỉ còn 34 tàu.

Bảng 7. Sản lượng của các nghề KTTS

Nội dung	Lưới rê	Lưới kéo	Câu mực	Ốc bẫy mực
Sản lượng 1 năm (tấn/năm)	17,9±18,9	8,44±5,64	11,3±4,5	29,3±8,1
Sản lượng 1 CV (kg/năm)	208±241	84,7±74,1	72±44	136±27
Tỉ lệ cá tạp (%)	0,47±1,36	16,4±13,4	0,0	0,0

3.2. Khía cạnh tài chính của nghề các nghề KTTS

3.2.1. Các chi phí của các nghề KTTS

Kết quả khảo sát cho thấy chi phí cố định của nghề KTTS tập trung chủ yếu cho chi phí mua vỏ tàu, máy tàu và ngư cụ. Tùy theo đặc thù khai thác mà tỉ lệ chi phí cho vỏ tàu, máy tàu và ngư cụ của từng nghề có khác nhau. Kết quả khảo sát cho thấy

đối với nghề lưới rê có chi phí cao cho vỏ tàu và ngư cụ; nghề lưới kéo có chi phí cao cho vỏ tàu và máy tàu; nghề câu mực có chi phí cao cho vỏ tàu; và nghề ốc bẫy mực có chi phí cao cho vỏ tàu và máy tàu (Bảng 8). Chính do sự khác nhau về quy mô nên chi phí đầu tư của các nghề lưới kéo và ốc bẫy mực, trong đó nghề ốc bẫy mực có chi phí cố định lớn nhất (1.429 triệu đồng), kể đến là nghề câu mực (675 triệu đồng), nghề lưới rê (674 triệu đồng) và thấp

nhất là nghề lưới kéo (293 triệu đồng). Nghề lưới kéo ở vùng này có quy mô nhỏ, phần lớn sử dụng tàu cũ nên có chi phí đầu tư thấp. Tùy theo thời gian sử dụng vỏ tàu, máy tàu và ngư cụ, chi phí khấu hao một năm của các nghề KTTS khác nhau. Kết quả

cho thấy khấu hao một năm của các nghề KTTS khác nhau, trong đó nghề ốc bẫy mực có chi phí khấu hao cho một năm cao nhất và thấp nhất là nghề lưới kéo (Bảng 8).

**Bảng 8. Chi phí đầu tư và chi phí khấu hao của các nghề**

Nội dung	Lưới rê	Lưới kéo	Câu mực	Ốc bẫy mực
Chi phí đầu tư (triệu đồng/tàu)	674±388	293±201	675±323	1.429±316
<i>Cơ cấu chi phí đầu tư (%):</i>				
- Chi phí mua vỏ tàu	46,5	64,5	64,2	50,0
- Chi phí mua máy tàu	22,5	23,8	18,4	32,3
- Chi phí mua ngư cụ	31,0	11,7	10,8	14,9
- Chi phí khác			6,5	2,8
Tổng chi phí khấu hao (Triệu đồng/năm)	67,6±37,7	31,2±17,2	49,1±22,7	92,4±18,6

Chi phí biến đổi một năm cho tàu khai thác khác nhau. Trong đó, chi phí biến đổi của nghề ốc bẫy mực cao nhất (1.431 triệu đồng/năm) và thấp nhất là nghề lưới kéo (590 triệu đồng/năm). Nhìn chung, chi phí cho nhiên liệu và nhân công đều chiếm tỉ lệ cao ở các nghề khai thác. Nhằm giảm chi phí sản xuất, ngư dân cần có giải pháp giảm chi phí nhiên liệu và giảm chi phí nhân công, nhất là trong tình hình hiện tại giá nhiên liệu tăng cao. Hiện nay, khai thác thủy sản ngày càng kém hiệu quả, thu nhập của thủy thủ thấp, nhiều người đã tìm nghề khác lao động để có thu nhập cao hơn nghề KTTS đã gây nên sự thiếu

hụt lao động và làm chi phí nhân công ngày càng cao. Chi phí nhiên liệu ở các nghề chiếm tỉ lệ cao nên khi giá nhiên liệu tăng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của nghề KTTS. Chính vì vậy cần có giải pháp giảm chi phí nhiên liệu như tổ chức thành đội sản xuất và có tàu vận chuyển sản phẩm khai thác sẽ giảm chi phí nhiên liệu đi lại của các tàu và nâng cao chất lượng sản phẩm và giá bán trên thị trường. Kết quả nghiên cứu của Long và Phương (2010) và Chí và Long (2018) cũng cho thấy chi phí nhiên liệu và nhân công ở nghề lưới kéo và lưới rê cũng chiếm tỉ lệ cao.

**Bảng 9. Cơ cấu chi phí của các nghề KTTS**

Chi phí	Lưới rê	Lưới kéo	Câu mực	Ốc bẫy mực
Chi phí biến đổi (triệu đồng/năm)	776±45	590±50	1.068±229	1.431±177
<i>Cơ cấu chi phí biến đổi (%):</i>				
- Nhiên liệu	28,6	42,6	41,3	34,2
- Tiền nhân công	47,4	29,8	41,7	49,1
- Lương thực	12,5	11,8	10,0	5,6
- Nước đá	8,7	8,8	1,6	6,0
- Chi phí sửa chữa	2,8	6,9	5,4	5,1

**3.2.2. Hiệu quả tài chính của các nghề KTTS**

Đối với tàu lưới kéo, trung bình một năm chủ tàu thu được 859 triệu đồng/năm và có lợi nhuận trung bình là 274 triệu đồng/năm. Tỉ suất lợi nhuận là 1,17 lần, cao hơn tỉ suất lợi nhuận của nghề lưới kéo ở tỉnh Sóc Trăng với 0,51 lần (Long & Phương, 2010). Đối với tàu lưới rê, doanh thu trung bình một năm là 2.014 triệu đồng/năm và lợi nhuận thu được là 1.171 triệu đồng/năm. Tương ứng, tỉ suất lợi nhuận của nghề lưới rê là 1,38 lần. Trong khi đó tỉ suất lợi nhuận của nghề lưới rê ở tỉnh Sóc Trăng là 0,46 lần (Long, 2012). Nghề câu mực và ốc bẫy mực cũng có doanh thu lớn 1.350 triệu đồng/năm và 2.117 triệu đồng/năm; lợi nhuận là 232 triệu đồng/năm và 594 triệu đồng/năm; với tỉ suất lần lượt là 0,20 lần và 0,37 lần. Đây là do hai nghề này có chi phí nhân

công và chi phí nhiên liệu cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy chi phí nhiên liệu ở các tàu KTTS chiếm tỉ lệ lớn, khi giá nhiên liệu tăng làm chi phí sản xuất tăng nhưng giá bán sản phẩm khai thác hải sản tăng chậm, tạo doanh thu thấp làm tỉ suất lợi nhuận giảm theo. Hơn nữa, khi nguồn lợi suy giảm, sản lượng khai thác cũng giảm theo ảnh hưởng tới doanh thu và tỉ suất lợi nhuận. Để đảm bảo tỉ suất lợi nhuận cao thì cần có giải pháp giảm chi phí nhiên liệu, bảo quản tốt sản phẩm khai thác để có giá bán cao như liên kết sản xuất, có tàu vận chuyển sản phẩm khai thác để các tàu đánh cá giảm chi phí nhiên liệu do đi lại và bảo quản sản phẩm khai thác tốt để có giá bán cao và tăng doanh thu. Công tác quản lý nguồn lợi thủy sản tốt cũng góp phần cho các tàu đánh cá đạt hiệu quả khai thác cao.

**Bảng 10. Hiệu quả tài chính của các nghề KTTS**

Nội dung	Lưới rê	Lưới kéo	Câu mực	Ốc bẫy mực
Doanh thu (triệu đồng/năm)	2.014±681	895±102	1.350±375	2.117±655
Tổng chi phí (triệu đồng/năm)	843±155	621±519	1.117±243	1.523±770
Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	1.171±202	274±228	232±199	594±106
Tỉ suất lợi nhuận (lần)	1,38±0,16	1,17±1,91	0,20±0,16	0,37±0,20

**3.3. Những thuận lợi và khó khăn**

Các nghề KTTS ở tỉnh Cà Mau còn tồn tại hoạt động là do ngư dân có các điều kiện thuận lợi chủ yếu như gần ngư trường khai thác và ngư dân có nhiều kinh nghiệm đánh bắt thủy sản. Đa số ngư dân làm nghề KTTS đều sống ở vùng ven biển nên họ có điều kiện đi ra biển khai thác và gần ngư trường KTTS. Cũng vì sống ven biển nên họ đã sớm tham gia KTTS từ nhỏ nên họ có nhiều kinh nghiệm trong

KTTS. Hai thuận lợi này đã tạo điều kiện cho các nghề này tồn tại. Bên cạnh đó, mỗi nghề cũng có những thuận lợi khác như nghề lưới rê thì có thuận lợi về có sẵn lao động và dễ khai thác; nghề lưới kéo thì là nghề truyền thống nên không thể bỏ và nghề này đem lại thu nhập ổn định; nghề câu mực thì thu nhập ổn định; và cuối cùng là nghề ốc bẫy mực có thêm thuận lợi là ngư cụ có thể sử dụng bền lâu và nghề này ít tác động làm suy giảm nguồn lợi thủy sản.

**Bảng 12. Những thuận lợi của nghề KTTS**

TT	Thuận lợi (theo ý kiến ngư dân)	Lưới rê	Lưới kéo	Câu mực	Ốc bẫy mực
		Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ (%)
1	Có kinh nghiệm	100	85,7	76,4	20,0
2	Gần ngư trường	96,7	14,3	58,2	12,7
3	Lao động có sẵn	73,3	-	-	-
4	Dễ khai thác	23,3	-	-	-
5	Nghề truyền thống	-	71,4	-	-
6	Thu nhập ổn định	-	52,4	9,1	-
7	Chi phí thấp	-	-	7,3	-
8	Ngư cụ sử dụng lâu	-	-	-	49,1
9	Ít ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản	-	-	-	34,5
10	Có sẵn tàu khai thác	-	-	-	7,3

Bên cạnh những thuận lợi, nghề lưới rê, lưới kéo, câu mực và ốc bẫy mực cũng gặp không ít khó khăn. Giá bán thấp, chi phí sản xuất cao, nhất là chi phí nhiên liệu tăng làm ảnh hưởng đến thu nhập của ngư dân. Thời tiết xấu không thể ra khơi khai thác và sản

lượng khai thác ngày càng giảm cũng là là khó khăn của ngư dân. Thời tiết thất thường ảnh hưởng đến mùa vụ khai thác, sản lượng khai thác không ổn định nên ảnh hưởng đến thu nhập của ngư dân.

**Bảng 13. Những khó khăn của nghề KTTS**

TT	Khó khăn (Theo ý kiến ngư dân)	Lưới rê	Lưới kéo	Câu mực	Ốc bẫy mực
		Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ (%)
1	Giá bán thấp	96,7	57,1	10,9	23,3
2	Chi phí nhiên liệu tăng	10,0	95,2	92,7	100
3	Thời tiết xấu	60,0	28,6	7,3	-
4	Sản lượng khai thác giảm	6,7	90,5	81,8	-
5	Dịch Covid-19	-	76,2	18,2	10,0
6	Thiếu nhân công	33,3	-	20,0	-
7	Nhiều tàu khai thác	-	28,6	9,1	-
8	Cạnh tranh ngư trường	90,0	-	-	-
9	Thu nhập giảm	-	38,1	-	-
10	Bị trộm ngư cụ	-	-	-	96,7

Để tạo điều kiện cho các nghề KTTS ở Cà Mau hoạt động ổn định, chính quyền địa phương (i) cần

đẩy mạnh chuỗi liên kết để tiêu thụ sản phẩm khai thác và tránh được bị bán sản phẩm với giá thấp và

bị ép giá; (ii) cần tổ chức liên kết sản xuất và có tàu hậu cần để cung cấp vật tư khai thác cho các tàu khai thác và vận chuyển sản phẩm khai thác vào bờ để sản phẩm có chất lượng tốt và bán được giá cao. Đồng thời giúp tàu khai thác có thể bám biển lâu hơn và tiết kiệm được nhiên liệu do mỗi tàu phải vận chuyển sản phẩm khai thác vào bờ; (iii) tập huấn ngư dân biết sử dụng các thiết bị khai thác như máy dò cá để tìm kiếm ngư trường nhanh chóng, khai thác có hiệu quả trong điều kiện thời tiết xấu và ngư trường không ổn định như hiện nay; (iii) đẩy mạnh công tác quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản như không phát triển tàu khai thác ven bờ, kiểm tra thường xuyên tàu thuyền khai thác trong khu vực, tránh khai thác không đúng tuyến, thực hiện kích thước mắt lưới theo quy định, thực hiện cấm khai thác vào mùa cá sinh sản,... nhằm giảm bớt tác động làm nguồn lợi thủy sản suy giảm.

## 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

### 4.1. Kết luận

Nghề lưới rê, lưới kéo, câu mực và ốc bẫy mực đang được phát triển ở tỉnh Cà Mau. Các nghề này có thể khai thác quanh năm và những tháng khai thác có sản lượng cao từ tháng 10 đến tháng 6 năm sau. Sản lượng khai thác của các nghề đều cao, trừ nghề lưới kéo, bên cạnh đó nghề lưới kéo lại có tỉ lệ cá tạp cao nhất 16,4%. Lợi nhuận của tàu lưới rê (1.174

triệu đồng/năm) cao hơn các nghề khác và nghề câu mực và ốc bẫy mực có tỉ suất lợi nhuận thấp, lần lượt là 0,2 lần và 0,37 lần. Nghề lưới rê, nghề câu mực và nghề ốc bẫy mực là các nghề khai thác thụ động, tỉ lệ cá tạp thấp và ít tác động làm suy giảm nguồn lợi thủy sản nên cần được khuyến khích phát triển. Tuy nhiên hai nghề câu mực và ốc bẫy mực có tỉ suất lợi nhuận thấp, cần nghiên cứu hỗ trợ hai nghề này phát triển nhằm tạo việc làm và tăng thu nhập cho ngư dân vùng ven biển.

### 4.2. Đề xuất

Để phát triển ổn định nghề khai thác vùng lòng phía Tây tỉnh Cà Mau cần tiếp tục phát triển nghề lưới rê, câu mực và ốc bẫy vì các nghề này có tỉ lệ cá tạp thấp, các nghề này khai thác ít làm suy giảm nguồn lợi thủy sản. Nghề lưới kéo cũng đem lại thu nhập cho ngư dân trong vùng nhưng có tỉ lệ cá tạp cao, là nghề khai thác hủy diệt nên hạn chế phát triển. Nếu cho phép nghề lưới kéo hoạt động thì kích thước mắt lưới 2a ở đọt lưới phải thực hiện theo quy định của Bộ Thủy sản (2006).

Nghiên cứu đã đánh giá hiện trạng một số nghề khai thác chính ở vùng lòng phía Tây tỉnh Cà Mau. Để hiểu hơn hoạt động khai thác hủy sản ở tỉnh Cà Mau, cần nghiên cứu thêm các hoạt động này ở vùng ven bờ và vùng khơi để có chiến lược phát triển KTTS toàn diện cho tỉnh Cà Mau.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Thủy sản – FAO. (2005). *Hướng dẫn ứng dụng phương pháp điều tra chọn mẫu của FAO trong thống kê nghề cá ven bờ và nuôi trồng thủy sản*. FAO, Hà Nội. 80 trang.
- Bộ Thủy sản. (2006). *Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản: Hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 4 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành thủy sản*, 16 trang.
- Chi cục Thủy sản tỉnh Cà Mau. (2022). *Báo cáo số 213/BC-TS của Chi cục Thủy sản tỉnh Cà Mau: Về việc giá nhiên liệu tăng, ảnh hưởng đến khai thác và nuôi trồng thủy sản*, 5 trang.
- Chí, L. V., & Long, N. T. (2018). So sánh khía cạnh kỹ thuật và tài chính của nghề lưới kéo và lưới rê ven bờ ở tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, 54(6B): 98-107.
- Chính phủ. (2019). *Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (Số 26/2019/NĐ-CP)*.
- Long, N. T., & Lam, L. D. (2019). Đánh giá hiệu quả kỹ thuật – tài chính của nghề lưới kéo và lưới rê (20-90 CV) ở tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, 4(101), 122-126.
- Long, N. T., & Phương, N. T. (2010). Phân tích khía cạnh tài chính và kỹ thuật của các nghề khai thác thủy sản chủ yếu ở tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 14b, 360-372.
- Long, N. T. (2012). *Nghiên cứu các giải pháp quản lý hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản ven biển tỉnh Sóc Trăng*. NXB Nông Nghiệp. TP Hồ Chí Minh, 147 trang.
- Long, N. T. (2014). Khía cạnh kỹ thuật và tài chính của nghề lưới rê, lưới kéo và lưới vây ở ĐBSCL. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 35b, 97-103.
- Thường, H. V., Hùng, H. P., & Yên, H. T. H. (2014). Hiện trạng khai thác thủy sản và quản lý nguồn lợi thủy sản tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 30b, 37-44.
- Tổng cục Thống kê. (2021). *Niên giám thống kê 2020*. NXB Thống kê. Hà Nội, 1055 trang.